

Số: /BGDDĐT-KHCNTT

V/v báo cáo tổng kết thực hiện Quyết
định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”, (sau đây gọi tắt là Đề án). Trong đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết thực hiện Đề án. Thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có các văn bản hướng dẫn, đôn đốc gửi các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Đề án.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Quý Ủy ban phối hợp tổ chức tổng kết Đề án, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo tổ chức tổng kết triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2025.
2. Xây dựng Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án (đề cương Báo cáo tại Phụ lục 1 và Biểu số liệu thống kê tại Phụ lục 2 kèm theo).

Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Đề án đề nghị Quý Ủy ban gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, địa chỉ 35 Đại Cồ Việt, Bạch Mai, Hà Nội) trước ngày **15/11/2025** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (bản mềm file word, excel đề nghị gửi theo địa chỉ thư điện tử cuckhcantt@moet.gov.vn).

Thông tin liên hệ: Ông Ngô Đăng Tiến, Trưởng phòng Phòng Phát triển công nghệ và Nhân lực số, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo; điện thoại: 0902270918; email: ndtien@moet.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Lê Thành Long (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Phúc**

Phụ lục 1

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
(Dành cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

*(Kèm theo công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng 10 năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Thông tin chung

- Tên cơ quan báo cáo:
- Họ và tên người lập báo cáo:; điện thoại di động:

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Mục này đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện triển khai Đề án. Trong đó, đề nghị lưu ý nêu rõ những nội dung triển khai như các Nghị quyết, kế hoạch, chương trình, dự án, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đã được ban hành.

III. Kết quả, khó khăn, nguyên nhân và giải pháp trong quá trình thực hiện Đề án

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Nêu kết quả thực hiện, trong đó lưu ý nêu rõ kết quả triển khai về: (1) Phương tiện, đường truyền, phần mềm đáp ứng yêu cầu về tham gia các hoạt động dạy và học trực tuyến; (2) Trang bị máy tính học môn tin học theo từng cấp học.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện.

2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

- Nêu kết quả thực hiện, trong đó lưu ý nêu rõ kết quả triển khai về: (1) Các nền tảng dạy và học trực tuyến; (2) Kho học trực tuyến đối với giáo dục phổ thông; (3) Nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện.

3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu

- Nêu kết quả thực hiện, trong đó lưu ý nêu rõ kết quả triển khai về: (1) Các cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số; (2) Kết

quản lý người học, nhà giáo bằng hồ sơ số với định danh thống nhất; (3) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu bằng hồ sơ số; (4) Triển khai cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo của địa phương. Kết nối và chia sẻ với cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia; (5) Công tác quản lý giáo dục được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện.

4. Kết quả triển khai dịch vụ trực tuyến

- Nêu kết quả thực hiện, trong đó lưu ý kết quả triển khai về: (1) Triển khai thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán); (2) Số hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ; (3) Sự hài lòng của người học, phụ huynh về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện.

5. Kết quả phát triển nguồn nhân lực

- Nêu kết quả thực hiện, trong đó lưu ý kết quả triển khai về: (1) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; (2) Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; (3) Triển khai thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa bàn có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; (4) Triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thực hiện.

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Với Thủ tướng Chính phủ;
 - Với Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Với các Bộ, ngành (nêu rõ tên bộ, ngành).
-

Phụ lục 2

**BIỂU SỐ LIỆU THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2022-2025 THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
(Dành cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

*(Kèm theo công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng 10 năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu) thống kê toàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm hiện tại
I	Tiếp cận giáo dục trực tuyến	
1.	Số lượng nhà giáo (giáo viên/ giảng viên ¹) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	- Tổng số giáo viên có máy tính:đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số giảng viên có máy tính:đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số giáo viên có đường truyền Internet:đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số giảng viên có đường truyền Internet:đạt tỉ lệ: ...%
2.	Người học (học sinh/sinh viên ²) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	- Tổng số học sinh có máy tính:, đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số sinh viên có máy tính:, đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số học sinh có đường truyền Internet:, đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số sinh viên có đường truyền Internet:, đạt tỉ lệ: ...%
II	Môi trường giáo dục trực tuyến	
3.	Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến	Nếu có, - Số nền tảng: (nêu rõ tên) - Số nền tảng là sản phẩm trong nước: - Số lượng học sinh/ sinh viên tham gia sử dụng nền tảng:, đạt tỉ lệ: ...%

¹ Giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng do địa phương trực tiếp quản lý.

² Sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng do địa phương trực tiếp quản lý.

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu) thống kê toàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm hiện tại
4.	Cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến	Nếu có, - Tổng số cơ sở giáo dục đại học đã cung cấp chương trình đào tạo (cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến:, đạt tỉ lệ:%
III	Quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến	
5.	Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến	- Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học chiếm % - Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm %
6.	Triển khai học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học ³	Nếu có, - Tổng số lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đã triển khai:, đạt tỉ lệ:%
7.	Triển khai đào tạo người học lấy văn bằng đại học, cao đẳng thứ hai tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc (<i>trong đó, thời lượng đào tạo bằng hình thức trực tuyến $\geq 50\%$</i>)	Nếu có, - Tổng số người học lấy bằng đại học thứ hai có thời lượng đào tạo trực tuyến $\geq 50\%$:, đạt tỉ lệ:%
IV	Quản lý, quản trị	
8.	Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số	Nếu có, - Tổng số cơ sở giáo dục (mầm non, phổ thông và thường xuyên) đã triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số:, đạt tỉ lệ:% - Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất:, đạt tỉ lệ:% - Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất:, đạt tỉ lệ:% - Số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu:, đạt tỉ lệ:%

³ Cơ sở giáo dục đại học do địa phương trực tiếp quản lý.

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu) thống kê toàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm hiện tại
		- Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Sở được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số:, đạt tỉ lệ: ...%
V	Dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	
9.	Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	- Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình:..., đạt tỉ lệ:% - Số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ toàn trình:, đạt tỉ lệ:% - Số lượng (ước tính) người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục và đào tạo:, đạt tỉ lệ:% - Số lượng (ước tính) tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục:....., đạt tỉ lệ: ...%